| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỤC NAM**<br>**TỈNH BẮC GIANG**<br>Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 06/9/2024<br>V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Thế Vinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Nguyễn Thị Yến;

- Ông Nguyễn Hữu Thái.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lưu Thị Trưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị T, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đàm Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tiến H kết hôn ngày 19/9/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới chị và anh H về ở với nhau ngay, thời gian đầu hai người sống hạnh phúc và đã có 2 con chung là:

- Đàm Tiến T1, sinh ngày 09/7/2015;

- Đàm Tiến T2, sinh ngày 24/02/2020.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Sau khi chị về chung sống với anh H thì bắt đầu phát sinh những mẫu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi vã, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái.

Từ tháng 11/2023 đến nay, chị và anh H đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có hai con chung như trình bày ở trên. Hiện các con đang ở với anh H và ông bà nội. Chị đang đi làm công nhân thu thập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cả 2 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ngày 06/9/2024 chị T đồng ý giao 2 con chung cho anh H nuôi.

** Bị đơn anh Nguyễn Tiến H trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và việc đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi cưới, anh và chị T về ở với nhau ngay, hai vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T bỏ đi làm công ty. Anh và gia đình đã đến nhà mẹ đẻ chị T đón về đoàn tụ nhưng chị T không về. Vợ chồng anh sống ly thân, chấm dứt quan hệ từ đó cho đến nay. Chị T làm đơn ly hôn anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có 2 con chung như chị T trình bày là đúng, kể từ khi chị T bỏ đi đến nay thì các con vẫn ở với anh. Nếu ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Hiện anh đang làm nghề cơ khí, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và đều xin vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên

đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều: 28, 35, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 và 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tiến H.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tiến H trực tiếp nuôi dưỡng 2 con là Đàm Tiến T1, sinh ngày 09/7/2015 và Đàm Tiến T2, sinh ngày 24/02/2020.

Chị T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đàm Thị T có đơn xin ly hôn và giải quyết về con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh Nguyễn Tiến H kết hôn ngày 19/9/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai người có nhiều điểm không hợp nhau; trong cuộc sống thường xảy ra cãi nhau. Đến tháng 11/2023 thì chị T và anh H sống ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị T và anh H về đoàn tụ. Tuy nhiên chị T cương quyết xin ly hôn và từ chối hòa giải đoàn tụ, anh H cũng đồng ý ly hôn. Như vậy cả chị T và anh H đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T được ly hôn anh H.

[5] Về con chung: Chị T và anh H có 2 con chung là: Đàm Tiến T1, sinh ngày 09/7/2015 và Đàm Tiến T2, sinh ngày 24/02/2020. Hiện anh H đang nuôi.

Chị T và anh H thống nhất để anh H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy sự thoả thuận thống nhất giao cả 2 con chung cho anh H của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó cần chấp nhận, giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con chung là Đàm Tiến T1, sinh ngày 09/7/2015 và Đàm Tiến T2, sinh ngày 24/02/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T3 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tiến H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tiến H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con là: Đàm Tiến T1, sinh ngày 09/7/2015 và Đàm Tiến T2, sinh ngày 24/02/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008311 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Trường Sơn, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

**Dương Thế Vinh**